

Tiếng Việt thời LM de Rhodes

tràng hạt/chuỗi hạt - chuỗi mân khô/mai khô/môi côi ...

(phần 19)

Nguyễn Cung Thông¹

Phần này bàn về cách dùng tràng hạt (hột), chuỗi hạt² từ thời các LM de Rhodes và Maiorica sang truyền đạo ở An Nam cho đến nay. Phần này cũng đề nghị một cách giải thích tại sao lại có các dạng Mân Khô (tắt là **MK**), Vãn Khô, Mai Khô, Môi Côi ... từ quá trình cấu tạo của chữ Hán Việt so với chữ Việt. Tài liệu tham khảo chính của bài viết này là ba tác phẩm của LM de Rhodes soạn: cuốn Phép Giảng Tám Ngày (viết tắt là PGTN), Bản Báo Cáo vắn tắt về tiếng An Nam hay Đông Kinh (viết tắt là BBC) và từ điển Annam-Lusitan-Latinh (thường gọi là Việt-Bồ-La, viết tắt là VBL) có thể tra từ điển này trên mạng, như trang này chẳng hạn <http://books.google.fr/books?id=uGhkAAAAMAAJ&printsec=frontcover#v=onepage&q&f=false>. Các chữ viết tắt khác là HV (Hán Việt), CNNAGN (Chỉ Nam Ngọc Âm Giải Nghĩa), NCT (Nguyễn Cung Thông), TVGT (Thuyết Văn Giải Tự/khoảng 100 SCN), NT (Ngọc Thiên/543), ĐV (Đường Vận/751), NKVT (Ngũ Kinh Văn Tự/776), LKTG (Long Kham Thủ Giám/997), QV (Quảng Vận/1008), TV (Tập Vận/1037/1067), TNAV (Trung Nguyên Âm Vận/1324), CV (Chính Vận/1375), TVi (Tự Vị/1615), VB (Vận Bồ/1100/1154), VH (Vận Hội/1297), LT (Loại Thiên/1039/1066), CTT (Chính Tự Thông/1670), TViB (Tự Vị Bồ/1666), TTTT (Tứ Thanh Thiên Hải), KH (Khang Hi/1716), P (tiếng Pháp), ĐNQATV (Đại Nam Quốc Âm Tự Vị), A (tiếng Anh), L (tiếng La Tinh), PG (Phật Giáo), CG (Công Giáo), VN (Việt Nam), CQN (Chữ Quốc Ngữ), TQ (Trung Quốc), BK (Bắc Kinh), TK (thế kỉ), A (tiếng Anh), P (tiếng Pháp), LT (tiếng La Tinh). Tương quan ngữ âm HV và Việt ghi trong bài không nhất thiết khẳng định nguồn gốc Việt hay Hán Cổ của chúng, cần nhiều dữ kiện hơn để thêm chính xác. Trang/cột/tờ của VBL được ghi xuống để người đọc dễ tra cứu thêm. Các cách đọc phiên thiết trình bày theo thời gian (lịch đại): từ thời Hán đến thế kỉ XVII (Tự Vị, Chính Tự Thông) cho đến giọng BK hiện nay so sánh với các phương ngữ khác cũng như âm HV (đồng đại). Dấu hoa thị * đứng trước một âm cổ phục nguyên (reconstructed sound), không nên làm thanh điệu hay chỉ số đứng sau một âm tiết và số phụ chú.

1. VBL ghi tràng hạt/chuỗi hạt

Mỗi tôn giáo đều có một số từ dùng đặc biệt như trong CG có các cách dùng kinh Mân Côi, thán Mân Côi, mầu Nhiệm Mân Côi, chuỗi Mân Côi hay chuỗi Mai Côi/Môi Côi/Mai Khô. Từ thời LM de Rhodes, ông đã ghi các cách dùng tràng hạt ("tlàng hột" - dạng "tràng" chỉ xuất hiện một lần trong trang 340) hay chuỗi hạt để chỉ chuỗi Mân Côi - xem hình bên dưới

¹ Nghiên cứu ngôn ngữ độc lập ở Melbourne (Úc) – email nguyencungthong@yahoo.com

² Tràng hạt thường hiện diện trong các buổi cầu nguyện tôn giáo như CG, PG, Hồi giáo để giúp trí nhớ con người khi phải đọc kinh **nhều lần**, để người đọc dễ **tập trung vào lời cầu nguyện** thay vì phân tâm vì phải đếm số lần đọc và đọc đến kinh nào.

chuỗi hạt: *rosario de con-*
tas: Rosarium, ij.
chuỗi hoa: *coleira de fulas:*
torquis florum.

VBL trang 123

H 340
trax: globuli precarij, vel si-
miles. lãa hạt: rezar polle
coroa: globulos precarios
percurrere. tràng hạt, chuỗi
hạt: rosario, coroa: globuli
precarij.

tràng hoa: *colteira de floras:*
torques florum.
tràng hạt: *rosario de con-*
tas: globuli precarij. chuỗi
hạt, idem.

VBL trang 804

LM de Rhodes đã dịch trực tiếp tiếng La Tinh **rosarium** (xem hình chụp) với nét nghĩa³ (a) tràng hạt, so với nét nghĩa nguyên thủy là (b) vườn hoa hồng: cấu trúc chữ **rosarium** là từ gốc **rosa**/LT (hoa hồng) + **-arium** (nơi chốn) cho nên **rosarium** là vườn hoa hồng. Một thí dụ khác là **Rosalia** (hay Rosaria), hàm nghĩa "lễ vải hoa hồng trên mồ mã" (trích từ cuốn "Dictionarium Anamitico-Latinum" của LM Taberd, sđd), một lễ hội quan trọng vào thời cổ đại phản ánh truyền thống thờ tổ tiên của người La Mã. Tuy nhiên, VBL còn ghi **globuli precarij**/LT hay 'chuỗi hạt dùng để cầu nguyện' (NCT) để cho nghĩa của chuỗi hạt trở thành rõ ràng hơn (tràng hạt còn có thể dùng để làm trang sức, trang trí nhà cửa ...). Cầu nguyện như ghi nhận ở trên là cầu nguyện với Đức Mẹ Maria, hoạt động này đã được hình thành từ thời Trung Cổ rồi được phổ biến vào thế kỷ XII. Sau này, năm 1328 người ta tìm được một tập ghi chép các phép lạ của Đức Mẹ. Trong tập này có nói đến việc Đức Mẹ trao chuỗi Mân Khôi cho thánh Đa Minh (năm 1208), và chuỗi MK cũng được thánh Đa Minh truyền dạy và cũng là cốt lõi của dòng Đa Minh do ông sáng lập. Và từ đó trở đi, người ta cứ truyền tụng

³ Các nét nghĩa sau này (mở rộng) là (c) kinh cầu nguyện Đức Mẹ Maria (d) chuỗi suy nghĩ/ngắm tương tự ... Xem cách dùng rosario phân sau với nét nghĩa (c) của LM Maiorica trong các tài liệu chữ Nôm. Vì thế mà tiếng Anh **rosary** (viết thường) hàm ý chuỗi hạt (cụ thể) so với **Rosary** (viết hoa) hàm ý kinh cầu nguyện Đức Mẹ.

cho nhau là thánh Đa Minh (1170–1221) đã lập ra chuỗi Mai Khôi. Vì thế, trong dòng Đa Minh⁴ mới có tượng Đức Mẹ trao chuỗi Mai Khôi cho thánh Đa Minh - điều này đã được LM dòng Tên Maiorica ghi nhận trong đoạn trích bên dưới cũng như xem tranh vẽ thánh Đa Minh được Đức Mẹ Maria truyền chuỗi MK⁵ bởi họa sĩ người Ý Bernardo Cavallino (1616–1656), trích từ trang <https://www.gallery.ca/magazine/your-collection/your-collection-the-vision-of-st-dominic-c-1640-1645-by-bernardo-cavallino>



Trở lại với cách dùng tràng hạt vào thời VBL, trong cuốn "Lịch Sử Vương Quốc Đàng Ngoài" (trang 131, sđd) LM de Rhodes viết: "... chúng tôi đã chia các Mâu Nhiệm thương khó làm mười lăm đề tài chính. Cứ sau khi đọc chung mười kinh chuỗi hạt thì ngắm một đoạn và suy nghiệm một trong mười lăm sự khó, sau một lần như thế thì lại tắt một trong mười lăm ngọn nến sáng theo tục lệ trong giáo hội La Mã" (hết trích). Trong "Tường Trình về Đàng

⁴ Dòng Đa Minh tiếng Anh là Order of Preachers, còn gọi là Dòng Anh Em Giảng Thuyết (hay Dòng Anh Em Thuyết Giáo, Latinh: Ordo Praedicatorum thành ra viết tắt là OP hay O.P.). Các giáo sĩ dòng Đa Minh đã đến VN rất sớm so với các giáo sĩ dòng Tên như Maiorica, de Rhodes. Tuy nhiên, truyền thống ghi chép và soạn tài liệu của dòng Tên rất nghiêm túc nên chúng ta thừa hưởng được những bộ sách bằng chữ Nôm, chữ quốc ngữ (PGTN, VBL) thật là vô giá trong buổi bình minh của chữ quốc ngữ cũng như văn hóa phong tục VN vào TK XVII. Vì đóng góp và nỗ lực truyền bá của dòng Đa Minh về chuỗi MK nên chuỗi hạt còn gọi là chuỗi Đa Minh (Dominican rosary).

⁵ Sự tích trong hình vẽ là Đức Mẹ Maria hiện ra trao truyền tràng hạt MK cho Thánh Đa Minh để cải hoá bè rôi Albigensê (Albigensianism/A) đang tung hoành ở phía nam nước Pháp. Nhờ vào chuỗi MK/kinh MK mà Thánh Đa Minh và quận công Simon de Montfort đã thắng quân Albigensê trong trận Muret (một thành phố nhỏ ở gần Toulouse, Pháp) dù chỉ có rất ít quân số (1500 quân so với 30000 quân Albigensê).

Trong 1645” (1651/sđd) LM de Rhodes viết "... Ông cho bắt mấy người Kitô hữu cho tra tấn để họ nộp các ảnh thánh, tràng hạt và sách đạo, tuy có mấy người bị tra tấn đã nhượng bộ ..." trang 41. Đoạn này cho thấy 150 lần đọc kinh MK theo quy trình từ giáo hội CG tuy rằng LM de Rhodes đã không đi vào chi tiết về chuỗi hạt nào (150, 50, 63..) trong các tài liệu trên.

Vào thời LM de Rhodes, LM Maiorica cũng viết nhiều tài liệu bằng chữ Nôm để giúp công việc truyền đạo, tuy nhiên không thấy ông dùng "tràng hạt" hay "chuỗi hạt" mà phiên âm trực tiếp tiếng Bồ-Đào-Nha **rosario**⁶ (xem phần tiếng Bồ-Đào-Nha của VBL, hình chụp bên trên). Rosario có dạng chữ Nôm (Maiorica) là 嚙沙移烏 lổ/rô sa di ô (HV):

"trong sách ấy cùng nhiều truyện về Thân Mẫu Phúc, cùng sự Rô-sa-ri-ô và Cô-rô-na Đức Bà nữa ..." trang 116 cuốn "Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông"

"Sau nữa có một trăm rưỡi kinh A-ve, mười lăm kinh Tại Thiên, chia ra làm ba phần, gọi là Rô-sa-ri-ô nghĩa là vườn hoa quế vì nguyện lời ấy thơm tho trước mặt Đức Bà như hoa thơm vậy ... Người làm cho quan ấy ở Rô-ma khi rình sinh thì vì nguyện Rô-sa-ri-ô nên. Vậy người rằng : quan ấy có nghĩa cùng con tao là Duminh⁷ và năng nguyện Rô-sa-ri-ô ... Nói đây một truyện này cho ta được trọng sự nguyện Rô-sa-ri-ô. Ai muốn biết phép nhiều về sự nguyện ấy thì xem hết sách giảng phép Đức Bà Ma-ri-a, cùng có Cô-rô-na nghĩa là triều thiên, vì kẻ nguyện kinh ấy về Đức Bà Ma-ri-a đội triều thiên sang trọng..." trang 93 ... đến trang 96 cuốn "Thiên Chúa Thánh Mẫu - quyển trung".

So với LM de Rhodes trong VBL, LM Maiorica đã đi xa hơn và dùng chữ **rosarium**/LT với nét nghĩa "kinh cầu nguyện" như đã giải thích trong các tài liệu chữ Nôm trích lại bên trên. Nên nhắc ở đây vài chi tiết thú vị. Hành động dùng ngón tay để đếm và chạm đến từng hạt trong chuỗi thì gọi là **lần hạt** (**lần hạt** - percurrere precarios globulos/L - VBL trang 397, 340). Khác với tiếng Việt và HV hạt (hột), **bead** tiếng Anh từng có nghĩa cổ là lời cầu nguyện và sau này được dùng để chỉ vật tròn và nhỏ (hạt). LM Maiorica cũng thường nhắc đến **Cô-rô-na** khi dùng Rô-sa-ri-ô (kinh cầu nguyện) trong các bản Nôm, với một dạng phiên âm chữ Nôm của Cô-rô-na là 姑嚙那 cô lổ/rô na. Cô-rô-na có gốc La tinh là **corona** (lại có gốc Hi Lạp κορώνη korōnē, tràng hoa) với các nét nghĩa (a) tràng hoa cho kẻ thắng cuộc (lực sĩ, binh sĩ, thần thánh ...) (b) vương miện đội trên đầu (như vương miện gai trên đầu Đức Chúa Giê Su, vương miện vàng trên đầu Đức Mẹ Maria - còn gọi là **mũ triều thiên**/VBL). Một thí dụ là **coronaria**/L là cô bán (làm) tràng hoa (theo LM Taberd/1838 sđd). Cô-rô-na cũng có nghĩa mở rộng là kinh cầu nguyện mà LM Maiorica đã giải thích:"Sau nữa có mười hai cái sao là mười hai ơn trọng Đức Chúa Trời cho Người làm triều thiên trọng ấy. Vì vậy kẻ nguyện **Cô-rô-na Tiểu**⁸ kính Đức Bà vì mười hai sự trọng ấy ... **Cô-rô-na Tiểu** có mười hai kinh A-ve, ba kinh Tại Thiên, chia làm ba phần, một phần bốn kinh A-ve và một kinh Tại Thiên ..." trang 186 cuốn "Thiên Chúa Thánh Mẫu, quyển trung".

⁶ Tiếng La Tinh **rosarium** tương ứng với **rorasio** (tiếng Ý, Tây-Ban-Nha, Bồ-Đào-Nha), rosary (A), rosaire (P). Nếu chuỗi hạt khác với các số 150, 50 thì gọi là **chapelet**/A (có gốc **chapelet**/P) so với **rosary**/A.

⁷ **Duminh** là cách phiên âm **Đa Minh** của LM Maiorica, dạng chữ Nôm là 由明 **do minh** HV (do ~ đa, d/đ lẫn lộn vào TKXVII - nguyên âm cổ hơn o so với a hiện nay). LM de Rhodes cũng dùng **Dominh** (chữ quốc ngữ): phần La Tinh của PGTN ghi "ngày Dominh" là diem Dominicum (ngày của Chúa, Chúa nhật ~ Chủ nhật) - trang 290/291. Quá trình biến đổi: ngày Do Minh > ngày Lễ lạy ~ ngày thứ nhất > (ngày) Chủ nhật ~ Chúa nhật

⁸ **Cô-rô-na Tiểu** là chuỗi hạt và cũng là kinh cầu nguyện Đức Mẹ Maria (tiếng Anh là "**Little Crown of the Blessed Virgin Mary**") dựa vào Kinh Thánh John (St. John) Apocalypse 11:19-12:1. Mười hai hạt trong chuỗi tượng trưng cho 12 bộ lạc nguyên thủy và 12 Tông Đồ, cũng như các đức tính của Đức Mẹ Maria.

2. Chuỗi trăm rưỡi, chuỗi năm mươi, chuỗi sáu mươi ba

Tới thời LM Béhaine (sđd, 1772/1773) thì ông ghi ba loại chuỗi hạt: chuỗi trăm hạt (toàn bộ chuỗi hạt), chuỗi năm mươi (một phần ba) và chuỗi sáu mươi ba (kinh gọi là triều thiên Đức Mẹ Maria). Sau hơn một thế kỉ, tiếng Việt vẫn còn dùng tràng hạt, chuỗi hạt như thời VBL.



Hình một chuỗi trăm rưỡi (hay 15 decades, 15 lần đoạn 10 hạt⁹) - năm 1720 (ở Đức) - trích từ trang <http://www.rosaryworkshop.com/HISTORYjournalingBead.htm>

"Chuỗi trăm rưỡi" đã có từ lâu, 150 hạt là 150 bài thánh ca/thánh vịnh/thánh thi và cũng là là một trăm năm mươi bông hồng kính dâng lên Đức Mẹ Maria, khi đọc thì lòng suy gẫm về vai trò của Đức Trinh Nữ Maria trong Mầu nhiệm (Mystery) Cứu độ của cuộc đời Đức Mẹ - xem hình chuỗi năm mươi tràng dưới. Nên nhắc ở đây là tràng hạt cũng đã được dùng trong các tôn giáo khác như Phật giáo chẳng hạn. Chuỗi hạt trong PG còn gọi là niệm châu 念珠, hay số châu¹⁰, châu số, tụng châu, chú châu, Phật châu (數珠、珠數、誦珠、咒珠、佛珠): số hạt cũng khác nhau như theo Kinh Kim Cương Đỉnh du già thì niệm châu lấy 1,080 hạt làm thượng phẩm, 108 hạt làm tối thắng, 54 hạt làm trung phẩm và 27 hạt làm hạ phẩm; Kinh Số châu công đức cũng nêu 4 loại: loại 108 hạt, loại 50 hạt, loại 27 hạt và loại 14 hạt ...v.v...

Hình vẽ sau chỉ một cách lần hạt đọc kinh theo truyền thống CG (hạt nhỏ là Hail Marys/**Kinh Kính Mừng**, hạt lớn màu đỏ đặt sau mười hạt nhỏ/decade là đọc Our father/**Kinh Lạy Cha**). Hình trích từ trang này <https://www.quora.com/What-is-the-significance-of-the-number-of-beads-on-a-ca>

⁹ Mười hạt là mười Kinh Kính Mừng (kinh Ave Maria/Hail Mary) kết thúc bằng một Kinh Sáng Danh (Gloria Patri): đây là một "sự" (Mầu Nhiệm -Mystery) hay một decade.

¹⁰ Trang 168 trong cuốn "Chỉ Nam Ngọc Âm Giải Nghĩa - Hoàng Thị Ngọc khảo cứu, phiên âm và chú giải" ghi "Tắc bát la trường cũng **tràng số châu**". **Tắc bát la** có thể là phiên âm tiếng Phạn **japa-mala**: **japa** ॐ là khấn niệm, **mala** □□□□ là chuỗi hạt.



Cho đến TK XIX, các tài liệu CG vẫn cho thấy cách dùng tràng hạt, như trong cuốn "Sách sổ sang chép các việc" của LM Philiphê Bình (1822) có ghi (chữ quốc ngữ):

".. cũng có tràng hạt Rosario ở trong tay Đ.C.J (Đức Chúa GiêSu) cùng rất thanh Đ.M. (Đức Mẹ) ... khi đi kiệu Rosario hoặc là đi kiệu 7 sự thương khó Đức Bà ..." trang 120

"Các ảnh cùng tràng hạt thì độ 7, 8 quan ... tràng hạt 3 quan ..." trang 534-535

hay trong "Phép đồng Chị Em mến Câu Rút Đức Chúa Giê Su" (1869) có ghi¹¹

"... Đoạn lần hạt năm chục và Kinh Thân Mẫu Phúc ... đoạn lần hạt trăm rưỡi, rồi đọc Kinh Thân Mẫu Phúc ..." trang 10, 16

Các cách dùng tràng hạt (hột), chuỗi hạt đã hiện diện trong tiếng Việt từ TK XVII, tuy nhiên vì danh từ chỉ hoa hồng là mai khô¹² HV 'nên chuỗi Rosarium được người miền Bắc gọi là

¹¹ Phạm Xuân Hy phiên âm (bản thảo 2009), có thể đọc toàn bài trên trang http://chimviet.free.fr/ngonngu/phamxuanhy/pxhn_PhepDongChiEmMenCauRutDucChuaGieSu_a.htm

“Chuỗi Mân Côi”, hoặc “Chuỗi Văn Côi”; riêng người miền Nam và miền Trung lại gọi là “Chuỗi Môi Khôi”. Đây là khuynh hướng dùng từ Hán Việt để cho thấy sự tôn kính/“văn chương hơn” như tên người VN vàng thì gọi là kim HV, núi thì gọi là san HV ...v.v... Ngoài mấy cách gọi thông thường của từng địa phương nêu trên, các cha Dòng Đa Minh thuộc nhánh Lyon, Pháp còn gọi là “Chuỗi Mai Khôi”. Cách gọi này hiện nay được khá nhiều người dùng, nhất là các tu sĩ và giới trẻ, đặt thành nhiều bài hát hay viết các bài suy niệm' - trích từ bài viết¹³ "NGUỒN GỐC VÀ TÊN GỌI CỦA CHUỖI MAI KHÔI" (Thầy Tro Bụi tổng hợp và sưu tầm - truyenhongconggiao.org). Thật ra là có những cách gọi khác nhau tùy theo địa phương¹⁴ (không gian), tùy theo thời gian, tùy theo các dòng riêng của giáo hội ở VN và sự cảm đoán CG sau thời vua Gia Long cũng làm cho các tập thể CG không được thống nhất. Thí dụ như các trường hợp sau đây dựa theo Trương Vĩnh Ký (1884, sđd)

- dòng Đức Chúa Giê Su (Jesuit) thì Đàng Ngoài (Tonkin viết tắt là T) gọi là dòng Tên
- bà nhà dòng, bà phước (nonne/P) ~ bà mẹ¹⁵ (T)
- ông từ (sacristain/P-lão từ/Huỳnh Tịnh Của) ~ người dọn nhà thờ, kẻ giữ các đồ nhà thờ (T)
- thần năm chức, thầy phó nhì (sous-diacre/P) ~ thầy già năm (T)
- thầy sáu chức, thầy phó tế (diacre/P) ~ thầy già sáu (T)
- khâm sứ đức giáo tông (nonce/P) ~ khâm mạng tòa thánh (T)
- tông đồ (apôtre/P) ~ đây tứ cả (T)
- sách phần (catéchisme/P) ~ sách bốn, bốn (T)
- đức thầy thất thập trụ¹⁶, tông mai tể tướng (cardinal/P - LM Taberd dịch là thầy cả cardinale) ~ đức Cardinale (T) bây giờ gọi là đức hồng y
- thánh bốn mạng (patron/P) ~ quan thầy, bản mệnh (T)
- chuỗi một trăm năm mươi, chuỗi một trăm rưỡi (rosaire/P) ~ tràng hạt trăm rưỡi (T)

...v.v...

Thay vì đi vào chi tiết quá trình hình thành chuỗi và lễ MK trong CG, chúng ta hãy thử tìm hiểu tại sao có những cách gọi khác nhau như vậy qua cách đọc HV và phạm trù nghĩa của các chữ trên trong giới hạn của bài viết này (phần 19 trong loạt bài viết về tiếng Việt thời LM de Rhodes).

¹² Hoa hồng (rose/A, P có gốc La Tinh rosa) có các danh xưng HV là mai côi hoa 玫瑰花, bồi hồi hoa 徘徊花, bút đầu hoa 筆頭花, hồ hoa 湖花. Sự tích kể lại Đức Mẹ Maria đã lấy những đóa hoa hồng trên miệng của một tu sĩ đang đọc kinh Kính Mừng kính Đức Mẹ để kết thành tràng hoa hay triều thiên đội trên đầu. Đây là một cách giải thích tại sao tràng hoa hồng lại liên hệ đến Đức Mẹ Maria trong CG.

¹³ Có thể đọc toàn bài trang <https://www.songtinmungtinhyeu.org/?open=contents&display=2&id=2186> ...v.v...

¹⁴ Tđ. Đàng Ngoài gọi **bút, lợn** so với Đàng Trong gọi **viết, heo** ...v.v... Bài này chỉ giới hạn vào các từ ngữ CG.

¹⁵ Sau này còn gọi là (bà) sơ (tiếng Pháp là sœur/chị hay em gái - thời Trương Vĩnh Ký không thấy dùng để chỉ bà phước), so với tiếng TQ là 修女 tu nữ hay 姆姆 mỗ mỗ (so với mẹ tiếng Việt).

¹⁶ Đức giáo hoàng Sixtus V (1585–1590) giới hạn số hồng y là 70 (thất thập, các hồng y có quyền bầu chọn Đức giáo hoàng) vào ngày 3/12/1586, con số này được duy trì cho đến thời Đức giáo hoàng John XXIII tăng lên thành 88 vào tháng 1 năm 1961. Số hồng y thay đổi nhiều lần cho đến nay.

Đầu tiên có lẽ là học giả Trương Vĩnh Ký (năm **1884**) trong cuốn "Petit dictionnaire francais annamite" đã ghi rose/P là hoa hồng (hường), nhưng ở Đàng Ngoài (Tonkin) thì gọi là hoa mân côi. Sau đó học giả Huỳnh Tịnh Của (năm **1895**) đã nhận thấy trong cách đọc môi khô thì (a) môi phải đọc là mai và (b) mai khô phải đọc là mai quế: nghĩa là quí báu, ít có, lạ lùng, hoa hồng, loài ngọc (ĐNQTATV Tome II trang 45) - so sánh với cách đọc côi/khô là quý theo CTT ở phần dưới. Sau đó là LM Gustave Hue (năm **1937**, sđd) cũng nhận thấy có những điều không ổn về các cách gọi mai côi/mai khô nên ông đề nghị mân khô là cách đọc sai của môi quí hay môi quí hoa (hoa hồng). LM Béhaine (năm **1898**, sđd) ghi mân côi là rose/P (hoa hồng), phù hợp với ghi nhận của các học giả ở Đàng Ngoài như P. G. Vallot¹⁷ (năm **1898**, Hà Nội sđd), Ravier và Dronet (năm **1903**, Kè Sở sđd). Tuy nhiên, không thấy cách dùng chuỗi mân côi thay thế cho tràng hạt - đây là các tác giả theo đạo hay thầy giảng CG nên các nhận xét rất đáng chú ý.

3. Các cách đọc chữ mai 玫

Chữ mai 玫 (thanh mẫu minh 明 vận mẫu hôi 灰 bình thanh, hợp khẩu nhất đẳng) có các cách đọc theo phiên thiết

莫栢切 mạc bô thiết (TVGT, ĐV)

莫杯切 mạc bôi thiết (QV)

謨杯切 mưu bôi thiết (TV, LT, CV, TVi) - TVi ghi âm mai 音梅

莫回反 mạc hồi phản (LKTG)

謨栢切, 音枚 mô bôi thiết, âm mai (VH)

莫裴切, 音梅 mạc bì/bôi thiết, âm mai (CTT)

CV ghi cùng vận 枚 梅 煤 玫 莓 每 罍 莓 媒 糜 梅 酶 眉 詹 湄 楣 媚 郿 (mai môi mỗi mi) - vận bộ hôi 灰 ...v.v...

Giọng BK bây giờ là méi so với giọng Quảng Đông mui4 và các giọng mân Nam 客家话:

[台湾四县腔] mi2 moi2 [客英字典] moi2 [海陆丰腔] mui2 moi2 [梅县腔] moe.2 [宝安腔]

moi2 [客语拼音字汇] moi2, giọng Mân Nam/Đài Loan mui5, tiếng Nhật bai me mai và tiếng Hàn may. Một dạng âm cổ phục nguyên của mai là *muəi (rất gần với âm môi tiếng Việt). Nghĩa của mai/môi là loại đá đẹp (mỹ thạch), cũng như từ kép mai côi 玫瑰 chỉ loài

¹⁷ Đáng quan tâm là P. G. Vallot ghi thêm nét nghĩa hoa quế: "rose ~ hoa mân côi, **hoa quế**, hoa hồng". Cách dùng hoa quế cũng giống như cách giải thích của LM Maiorica đã dẫn bên trên, hàm ý loài hoa thơm - tiếng Việt còn có loài **hồng quế** (cũng là một loài hồng) so với **hồng bạch**, **hồng nhung** (Việt Nam Tự Điển). Học giả Đào Duy Anh cũng giải thích mai khô hoa là hoa hồng, hoa quế đỏ (1931, "Hán Việt Từ Điển" sđd). Hoa hồng rất gần gũi với Tây phương (td. quốc hoa của nước Anh từ TK XVI) so với người và văn hóa bản địa, có lẽ vì thế mà LM Maiorica/cộng sự viên đã cố tình dịch thành hoa quế 花桂 để cho người VN dễ cảm thông hơn chăng? Trong "Đại Nam Quốc Ngữ - Nguyên bản: tác giả Nguyễn Văn San - Lã Minh Hằng khảo, phiên, dịch, chú" (sđd) trang 258 cũng ghi nhận vấn đề "**hoa quế, lại là hoa hồng, không rõ**".

ngọc đỏ rất đẹp. Theo nhà sư Thích Huyền Ứng 釋玄應 đời Đường: Thạch chi mỹ hảo viết mai, viên hảo viết cô 石之美好曰玫, 圓好曰瑰 (Nhất thiết kinh âm nghĩa 一切經音義, quyển nhị 卷二, Đại bát niết bàn kinh 大般涅槃經) Vẻ đẹp của đá gọi là "môi", vẻ tròn trịa của nó gọi là "côi". Từ ghép mai/môi cô 玫瑰 chỉ loài ngọc đỏ và đẹp (TVGT). Từ loài ngọc quý (td. bộ ngọc trong hai chữ mai và cô, TVGT giải thích) như trân châu 珍珠, sau này mai cô mở rộng nghĩa để chỉ hoa hồng, như nhà thơ Bạch Cư Dị (772-846) từng dùng trong bài thơ vịnh hoa¹⁸ (草詞畢遇芍藥初開, 因詠小謝紅藥當階翻詩 *thảo từ tất ngộ thực dược sơ khai, nhân vịnh tiểu tạ hồng dược đương giai phiên thi*):

菡萏泥連萼

玫瑰刺繞枝

等量無勝者

唯眼與心知

Hạm đạm nê liên ngọc

Mai cô thứ nhiều chi

Đẳng lượng vô thắng giả

Duy nhãn dữ tâm tri


...v.v...


Hình sau trích từ trang (để ý cách viết chữ triện mai/môi giống y như mân/văn)

http://dict.variants.moe.edu.tw/variants/rbt/word_attribute.rbt?quote_code=QTAYNTU4

A02558	正字	【玫】	玉 - 04 - 08
--------	----	-----	-------------

「玫」《說文》作「玫」。

大徐本：，火齊，玫瑰也。一曰石之美者。从玉，文聲。（莫栢切）

段注本：，玫瑰，火齊珠。一曰石之美者。从王，文聲。（莫栢切）

4. Các cách đọc chữ mân 玫

Chữ mân/văn 玫 (thanh mẫu minh 明 vận mẫu chân 眞 bình thanh, khai khẩu tam đẳng) có các cách đọc theo phiên thiết

武巾切 vũ cân thiết (TVGT, QV, TVi) - QV/TV ghi bình thanh

¹⁸ Có thể xem toàn bài thơ của Bạch Cư Dị trên trang này <https://zh.wikisource.org/zh-hant/草詞畢遇芍藥初開因詠小謝紅藥當階翻詩以為一句未盡其狀偶成十六韻> ...v.v...

武巾反 vũ cân phản (LKTG)

眉貧切 mi bần thiết (TV, LT)

悲巾切 bi cân thiết (TV, LT)

眉貧𠂆 mi bần phạt (TNTTĐTA 精嚴新集大藏音)

彌鄰切 di lân thiết (CV, TVi)- TVi ghi âm dân 音民

無分切, 音文 vô phân thiết, âm văn (TV)

TNAV ghi vận bộ 真文 chân văn

CV ghi cùng vận 民泯珉玫磻岷汶閩旻恣叟緡緡瞿毘瘠 (dân mân mẩn vản) vận bộ chân 真 ...v.v...

Giọng BK bây giờ là mìn wén so với giọng Quảng Đông man4 và các giọng Mân Nam

客家话: [客英字典] men2 vun2 [台湾四县腔] men2 wun2 [客语拼音字汇] min2 vun2

[海陆丰腔] men2 wun2 [宝安腔] min2 | wun2, tiếng Nhật bin min bai mai bun mon và tiếng Hàn min.

Mân/văn có nghĩa là loại đá đẹp: như TVGT từng ghi nhận 一曰石之美者 nhất viết thạch chi mĩ giã. Một nghĩa nữa là vân của ngọc (玫, 玉文 văn, ngọc vản - Tập Vận). Tuy nhiên, một dữ kiện quan trọng là TVGT đã ghi 玫瑰 mân khôì cũng chính là 玫瑰 mai khôì, hay mai/môi là một dị thể của mân (cả hai cùng viết bằng bộ ngọc và thêm bốn nét) - xem chi tiết trang này chẳng hạn (để ý cách viết chữ triện mai/môi giống y như mân/văn)

http://dict.variants.moe.edu.tw/variants/rbt/word_attribute.rbt?quote_code=QTAYNTU3

A02557	正字	【 玫 】	玉 - 04 - 08
--------	----	--------------	-------------

大徐本：

玫，火齊，玫瑰也。一曰石之美者。从玉，文聲。（莫栢切）

珉，石之美者。从玉，民聲。（武巾切）

段注本：

玫，玫瑰，火齊珠。一曰石之美者。从玉，文聲。

珉，石之美者。从玉，民聲。（武巾切）

Tóm lại chữ mân 玫 có thể đọc là mân, văn, dân (ngạc cứng hóa của mân) và mai/môi (dị thể của chữ mân - TVGT/QV). Ngoài ra, cấu trúc của chữ mai/môi¹⁹ cũng thường ghi là hình thanh, từng ngọc (dùng bộ ngọc) văn thanh (âm đọc là văn 文) 形声。从玉，文声 cho thấy hai chữ mân/văn/dân và mai/môi đều cùng một gốc.

5. Các cách đọc chữôi

Chữôi 瑰 (thanh mẫu hạp 隹 hay kiến 隹, vận mẫu hôi 灰 bình thanh, hạp khẩu nhất đẳng) có các cách đọc theo phiên thiết

公回切 công hồi thiết (ĐV, TVGT)

姑回切, 音傀 cô hồi thiết, âm khôi (TV, LT, VH, CV, TVi)

古回切 cổ hồi thiết (NT, QV, TTTH)

古回反 cổ hồi phản (LKTG, KH)

戶恢切 hộ khôi thiết (ĐV)

胡隈切 hô ôi thiết (TV, LT)

胡隗切 hô ngôi thiết (VH)

胡傀切, 音回 hô khôi thiết, âm hồi (CV)

音貴 âm quý (CTT) 《正字通》音貴。玫瑰, 花名 <Chính Tự Thông> âm quý - maiôi, hoa danh. Giọng BK bây giờ là guī so với giọng Quảng Đông gwai1 gwai3 và các giọng Miền Nam 客家话: [海陆丰腔] gui5 kui2 [客英字典] kwui1 kwui5 [台湾四县腔] gui5 kui2

[梅县腔] gwi5 [宝安腔] gui5 [客语拼音字汇] gui4.

Một dạng âm cổ phục nguyên củaôi/khôi là *kuě với các biến âm là khôi, hồi (k>h) và quý. So sánh các cách đọc sau đây

槁 (khô, gầy) có thể đọc là cảo, khao, khảo, cao ...

橋 (cầu) có thể đọc là kiêu, khiêu, cao ...

亢 (cao) có thể đọc là kháng, cang, cương ...

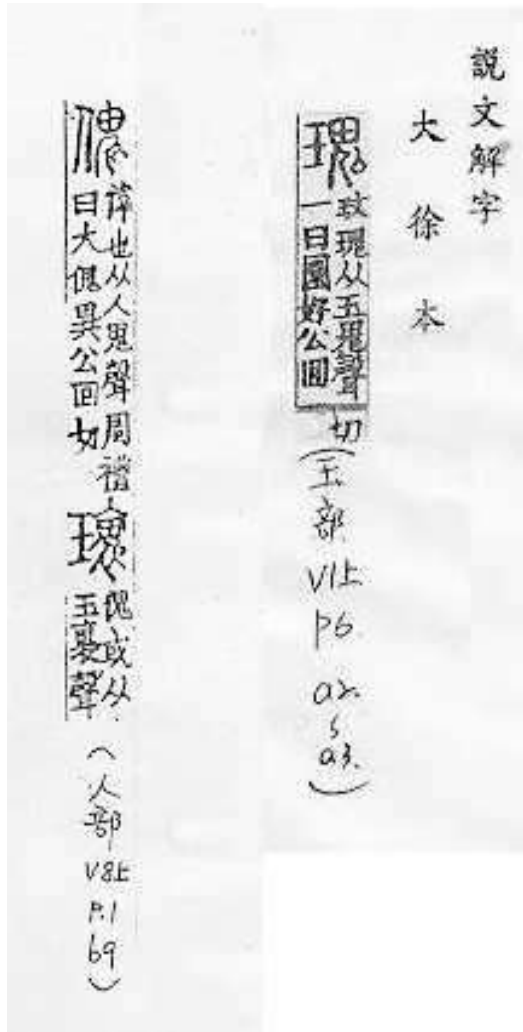
空 (không, rỗng) có thành phần hài thanh công 工, tiếng Việt có dạng **hông** trong khẩu ngữ.

灰 (đá vôi) khôi, hôi ...

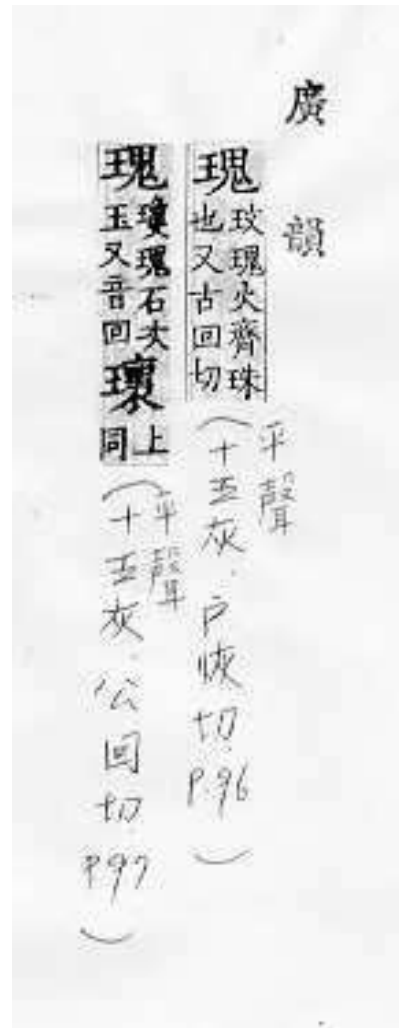
緄 (dây) hõn, cõn (thành phần hài thanh là côn 昆)

...v.v...

¹⁹ Xem trang này về cấu trúc chữ mai/môi <https://www.zdic.net/hans/玫...>



TVGT



QV

Như vậy, ta có cơ sở ngữ âm giải thích các cách đọc khác nhau mai côi, môi côi, mai khôì và mân côi, mân khôì.

Tóm lại, các cách gọi mân côi/khôì, mai côi/khôì, môi côi đều có cơ sở giải thích: từ góc độ **lịch đại** (diachronic hay theo chiều thời gian) hay **đồng đại** (synchronic hay theo chiều không gian, cùng một thời điểm). Tràng hạt (hột) đã dùng trong tiếng Việt vào thời các giáo sĩ dòng Tên Maiorica, de Rhodes sang bán đảo Đông Nam Á để truyền đạo, tuy nhiên có lúc dùng tràng hạt (LM de Rhodes) và có lúc dùng phiên âm từ tiếng Bồ-Đào-Nha như Cô-rô-na hay Rô-sa-ri-ô (LM Maiorica). Cụm danh từ chuỗi mân côi²⁰ hay chuỗi mai côi chỉ xuất hiện về sau mà thôi hầu như để giải thích chi tiết hơn về lịch sử trong CG. Tự điển LM Béhaine (1772/1773, sđd) dùng tràng hạt (hột) nhưng không thấy dùng mai/môi khôì cho tới thời LM Taberd²¹ (Đàng Trong 1838, sđd). Để thống nhất cách dùng cách gọi thì nên có những bàn

²⁰ Mân côi/khôì có thể là đọc nhầm hai chữ mai/môi côi/khôì 玫瑰 vào thế kỉ XVIII hay XIX, nhưng không biết người đọc nhầm ban đầu có cố ý dùng các dữ kiện HV xưa hơn (mân 玫 và mai/môi 玫 cùng là một chữ vào thời TVGT) để cho phù hợp với lịch sử lâu đời của chuỗi MK?

²¹ LM Béhaine ghi hoa hồng, cho tới thời LM Taberd thì ông ghi thêm rosa là hoa hồng, môi khôì hoa ... Cũng vào giữa TK XIX, các tài liệu ở Đàng Ngoài như "VĂN CÔI THÁNH NGUYỄN TẤN TỤNG THI CA" dùng văn côi (chỉ hoa hồng), nhưng cũng dùng tiếng La Tinh rosa (như ngấm rosa) trong bài ca - xem thêm "Công giáo trong văn hóa VN" của TS Nguyễn Hồng Dương hay các bài viết liên hệ của tác giả Lê Đình Bản (sđd).

luyện khách quan về các cách gọi cùng hệ quả liên hệ, cũng như chính thức công bố kết quả để làm tiêu chuẩn và tài liệu về sau. Hi vọng bài viết nhỏ này tạo niềm hứng thú để bạn đọc tìm hiểu sâu xa hơn về tiếng Việt, đặc biệt là qua lăng kính tôn giáo từ thời bình minh của quá trình hình thành hội thánh CG ở VN.

6. Tài liệu tham khảo chính

- 1) Đào Duy Anh (1931) "Hán Việt Từ Điển" NXB Trường Thi tái bản (1957, Sài Gòn)
- 2) Lê Đình Bảng (2017) "Từ kinh Mân Côi đến phép ngắm Rôsa, và..." - có thể xem toàn bài trên trang http://www.cgvdt.vn/xa-hoi/tu-kinh-man-coi-den-phep-ngam-rosa-va_a5091
- _____ (2019) "Ngôn ngữ nhà đạo trong thi ca và thánh ca" - có thể xem toàn bài trên trang <http://ubdkcgvn.org.vn/vi/van-hoa-nghe-thuat/2018/01/81E20DFD/ngon-ngu-nha-dao-trong-thi-ca-va-thanh-ca/...v.v...>
- 3) Phillipe Bình (1822) "Sách Sổ Sang Chép Các Việc" NXB Viện Đại Học Đà Lạt, 1968.
- 4) Bernardo Cavallino (1640) "The Vision of St. Dominic" tranh vẽ thánh Đa Minh (Dominic) nhận được chuỗi hạt từ Đức Mẹ Maria - có thể xem chi tiết trên trang này chẳng hạn <https://www.gallery.ca/magazine/your-collection/your-collection-the-vision-of-st-dominic-c-1640-1645-by-bernardo-cavallino...v.v...>
- 5) Huỳnh Tịnh Của (1895/1896) "Đại Nam Quốc Âm Tự Vị" Tome I, II - Imprimerie REY, CURIOL & Cie, 4 rue d'Adran (SaiGon).
- 6) Nguyễn Hồng Dương (2001, 2013) "Công giáo trong văn hóa Việt Nam" NXB Văn Hóa Thông Tin (2013, Hà Nội).
- 7) Lã Minh Hằng (2013) "NGUỒN TƯ LIỆU TỪ VỤNG THẾ KỈ 17 - QUA KHẢO SÁT TRUYỆN ÔNG THÁNH INAXU" - bài viết cho Hội Nghị thông báo Hán Nôm Học năm 2013 - có thể xem toàn bài trang này <http://xuandienhannom.blogspot.com.au/2013/12/nguon-tu-lieu-tu-vung-ky-17-qua-khao.html>
- _____ (2013) "Khảo cứu từ điển song ngữ Hán-Việt Đại Nam Quốc Ngữ - nguyên bản Nguyễn Văn San" NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội
- 8) Gustave Hue (1937) "Dictionnaire annamite-chinois-français" Imprimerie Trung-hoà - NXB Khai Trí (Sài Gòn) in lại năm 1971 theo bản gốc năm 1937.
- 9) Nguyễn Văn Khôn (1960) "Hán Việt Từ Điển" NXB Khai Trí (Sài Gòn).
- 10) Trương Vĩnh Ký J.B.P. (1884, 1920) "Petit dictionnaire francais annamite" Imprimerie de l'union Nguyễn Văn Của (SAIGON).
- 11) Nguyễn Thị Tú Mai (2012) "Chữ Nôm và tiếng Việt thế kỷ XVII qua Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông của Jeronimo Maiorica" Luận án TS Ngữ Văn - Đại Học Sư Phạm Hà Nội
- 12) Giêrônimô Maiorica (thế kỷ XVII) "Mùa Ăn Chay Cả", "Thiên Chúa Thánh Mẫu - Quyền thượng", "Thiên Chúa Thánh Mẫu - Quyền trung", "Đức Chúa Giê-Su - Quyền chi cử & Quyền chi thập", "Thiên Chúa Thánh Giáo Hối Tội Kinh", "Thiên Chúa Thánh Giáo Khải

Mông”, "Kinh Những Ngày Lễ Phục Sinh - Quyển thứ ba", "Các Thánh Truyện". Sách lưu hành nội bộ (năm xuất bản 2002/2003, LM Nguyễn Hưng).

13) Nguyễn Văn Nghệ (2019) "Tháng 10 là tháng Mân Côi hay là Mai Côi" - có thể xem toàn bài trên trang này chẳng hạn <https://nghienquulichsu.com/2019/10/10/thang-10-la-thang-man-coi-hay-la-mai-coi/> ...v.v...

14) Hoàng Thị Ngọc (1999) "Chữ Nôm và tiếng Việt qua bản giải âm Phật Thuyết Đại Báo Phụ Mẫu Ân Trọng Kinh" NXB Khoa Học Xã Hội (Hà Nội).

_____ (1999) "Phật Thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh - chữ Nôm và tiếng Việt" NXB Khoa Học Xã Hội - Hà Nội.

15) LM Phêrô CMC (2013) "Nguồn gốc - ý nghĩa và tên gọi của Chuối Mân Côi" - có thể xem toàn bài trên trang này chẳng hạn <http://conggiao.info/nguon-goc--y-nghia-va-ten-goi-cua-chuoi-man-coi-d-18800> ...v.v...

16) Nguyễn Văn Phượng OP (2009) "Mân Côi - Mai Côi - Môi Khôi - Vãn Côi - Mai Khôi, tên gọi nào đúng và đủ nghĩa nhất?" - có thể xem toàn bài trên trang <http://www.dmhcg.org/CustomLinkModule/LinkContent.aspx?ItemID=1267&mid=88&pageid=0>

17) Alexandre de Rhodes (1651) "Phép Giảng Tám Ngày" - Tủ Sách Đại Kết in lại từ Tinh Việt Văn Đoàn (1961 - Sài Gòn) với phần giới thiệu của tác giả Nguyễn Khắc Xuyên.

_____ (1651) "Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum" thường gọi là từ điển Việt-Bồ-La; bản dịch của Thanh Lãng, Hoàng Xuân Việt, Đỗ Quang Chính - NXB Khoa Học Xã Hội, Thành Phố HCM (1991).

_____ "Tường Trình về Đàng Trong 1645" bản dịch của Hồng Nhuệ, NXB Ánh Sáng Publishing, Escondido (California/Mỹ, 1994?).

_____ "Lịch sử Vương Quốc Đàng Ngoài từ 1627 tới năm 1646" dịch giả Nguyễn Khắc Xuyên - Tủ sách Đại Kết, Thành phố HCM (1994).

16) Jean Louis Taberd (1838) - tên Việt là Cố Từ - "Dictionarium Annamitico-Latinum" Serampore (Bengale).

_____ (1838) "Dictionarium Anamitico-Latinum, primitus inceptum ab illustrissimo" P.J. Pigneaux, dein absolutum et ed. a J. L. Taberd, Serampore.

18) Nguyễn Long Thao (2011) "Nhân Tháng Mân Côi: Giải Thích Từ Mân Côi - Mai Khôi - Môi Khôi - Vãn Côi Trong Kinh Sách Công Giáo" - có thể xem toàn bài trên trang này chẳng hạn <http://www.vietcatholic.net/News/Home/Article/93076> ...v.v...

19) Nguyễn Cung Thông (2011) "A Di Đà Phật hay A Mi Đà Phật?" - có thể xem toàn bài trên các trang <http://www.daophatngaynay.com/vn/tap-chi-dao-phat-ngay-nay/Bai-viet-chon-loc/9925-A-Di-Da-Phat-hay-A-Mi-Da-Phat.html> ...v.v...

_____ (2016) "Cách nói xuống thuyền, trên trời, ra đời, Đàng Trong/Ngoài ... thời LM Alexandre de Rhodes (phần 1)" có thể xem toàn bài trang này http://chimvie3.free.fr/baivo/nguyencungthong/ncthong_CachDungXuongThuyenTrenTroivaRaDoiP1.pdf

_____ (2016) "Cách nói tôi, ta, tao, tớ, qua, min ... Tiếng Việt thời LM de Rhodes" - có thể xem toàn bài trang này

http://chimvie3.free.fr/baivo/nguyencungthong/ncthong_CachNoiToiTaTaoToP2.pdf

_____ (2016) "Huyền Tráng, Huyền Tảng hay Huyền Trang? Hiện tượng đồng hóa âm thanh (phần 2)" - có thể tham khảo **hai bài viết** này trên các trang mạng như

<http://www.daophatngaynay.com/vn/phatgiao-qt/con-nguoi-qt/21409-huyen-trang-huyen-tang-hay-huyen-trang-hien-tuong-dong-hoa-am-thanh-phan-2.html>

_____ (2015) "Sinh thì là chết?" - có thể tham khảo **ba bài viết** này (đánh số 11.1 đến 11.3) trên các trang mạng như

<http://www.vanchuongviet.org/index.php?comp=tacpham&action=detail&id=21612>

_____ (2013) "Tản mạn về từ Hán Việt thời-thì" có thể xem toàn bài trang này <https://khoaocnet.com/2013/06/15/nguyen-cung-thong-tan-man-ve-tu-han-viet-thoi-thi-phan-6-2/>

_____ (2012) "Những đợt sóng giao lưu ngôn ngữ Việt-Trung qua con đường tôn giáo - vài vết tích sau thời nhà Nguyên trong từ điển Việt Bồ La (phần 1.3)" - có thể xem toàn bài trang này <http://pgvn.vn/nghien-cuu/201508/Nhung-dot-song-giao-luu-ngon-ngu-Viet-Trung-qua-con-duong-ton-giao-vai-ve-tich-sau-thoi-nha-Nguyen-trong-tu-dien-Viet-Bo-La-phan-1-3-49809/>. Có thể đọc loạt bài "**Tiếng Việt thời LM de Rhodes**" trên trang http://chimvie3.free.fr/76/ncthong_TiengVietThoiDeRhodes.htm ...v.v...

20) "Từ Nguyên" (2014) Bản cập nhật của bản gốc 1979 do một số học giả TQ soạn thảo - NXB Thương Vụ Ấn Thư Quán (Bắc Kinh) .

NGUYỄN CUNG THÔNG

Kính mời đọc thêm những biên khảo khác của tác giả:

<http://www.vietnamvanhien.org/nguyencungthong.html> [**<=>bấm vào**]

www.vietnamvanhien.org

